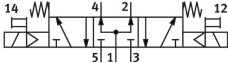
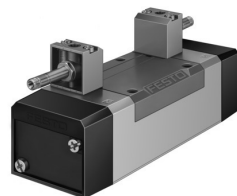


# **Van điện từ** **MFH-5/3B-D-3-C** Số bộ phận: 151875

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                          |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 thông gió                                    |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                             |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 65 mm                                            |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 4000 l/ph                                        |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Kích thước tấc kết nối 3 theo ISO 5599-1<br>G1/2 |
| Điện áp vận hành                                           | thông qua cuộn điện từ, được đặt hàng riêng      |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...1 MPA<br>3 bar...10 bar                |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                             |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                     |
| Phân loại hàng hải                                         | xem chứng nhận                                   |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                                      | DNV-TAA000032X                                   |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                             |
| Chiều rộng định mức                                        | 14.5 mm                                          |
| Kích thước lưới                                            | 71 mm                                            |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                 |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                              |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                           |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                       | ISO 5599-1                                       |
| Nút ghi đè                                                 | Phát hiện qua phụ kiện quét                      |
| Mã ISO                                                     | 358                                              |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                 |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                            |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                              |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                  |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 75 ms                                            |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 36 ms                                            |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 2200 µs                                          |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 3700 µs                                          |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]             |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                              |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                   | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                             | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Nhiệt độ trung bình                   | -10 °C...60 °C                                                                       |
| Mức áp suất âm thanh                  | 85 dB(A)                                                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...40 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                  | 1040 g                                                                               |
| Cổng nối điện                         | qua cuộn dây F, được đặt hàng riêng                                                  |
| Kiểu gắn                              | trên tấm kết nối<br>với lỗ thông và vít                                              |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82        | M5                                                                                   |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 84        | M5                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 1                    | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1                                             |
| Cổng nối khí nén 2                    | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1                                             |
| Cổng nối khí nén 3                    | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1                                             |
| Cổng nối khí nén 4                    | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1                                             |
| Cổng nối khí nén 5                    | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1                                             |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                     | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                           | Nhôm đúc áp lực                                                                      |